

# CÁCH THỨC TỰ QUẢN CỦA MỘT SỐ CỘNG ĐỒNG NHẬN RỪNG Ở TÂY NGUYÊN

TS. Cao Thị Lý, Trường Đại học Tây Nguyên

## 1 Mở đầu:

Sau gần 20 năm kể từ khi bắt đầu có những khởi xướng thử nghiệm giao đất giao rừng cho hộ, cộng đồng ở Tây Nguyên, đến nay mặc dù chưa có những đánh giá đầy đủ, nhưng có thể thấy bên cạnh những thất bại, thử thách cũng có những thành công nhất định. Thất bại thể hiện ở việc rừng đã giao vẫn bị mất, lâm nghiệp chưa tạo ra sinh kế bền vững cho người dân, tranh chấp đất đai. Nguyên nhân là do rừng được giao nghèo, không có chính sách đầu tư cho bảo vệ, phục hồi; giao rừng không đúng nhu cầu, vị trí truyền thống của cộng đồng; cơ chế hưởng lợi chưa có hoặc không rõ ràng, thủ tục rườm rà, không có định hướng phát triển lâm nghiệp cộng đồng, thiếu hỗ trợ nâng cao năng lực cho cộng đồng. Tuy nhiên một số nơi rừng được quản lý bảo vệ khá tốt, người dân được nâng cao năng lực quản lý rừng, gắn kết bảo vệ rừng với PES, REDD+. Có được những thành công như vậy là do các khu rừng được giao phù hợp với nhu cầu, truyền thống; có chính sách ở địa phương về hưởng lợi gỗ; người dân có được hưởng lợi mặc dù chưa nhiều; có sự hỗ trợ từ bên ngoài nâng cao năng lực cho cộng đồng; định hướng phát triển lâm nghiệp cộng đồng. Do vậy, cần đánh giá thất bại một cách khách quan dựa vào nguyên nhân, chứ không phải người dân không có nhu cầu và năng lực quản lý rừng (Bảo Huy, 2018).

Đến nay, trên thực tế rừng tự nhiên giao cho hộ, cộng đồng ở nhiều địa phương có nơi đã không còn, có nơi mặc dù bị tác động những vẫn còn giữ được một số diện tích nhất định. Điều này phụ thuộc một phần vào sự tự quản của chính cộng đồng. Bài tham luận muốn chia sẻ một số trường hợp cụ thể trong cách thức tự tổ chức quản lý rừng của một số cộng đồng nhận rừng tại tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Với quan điểm rừng được sử dụng và quản lý bền vững cũng chính là góp phần bảo tồn tài nguyên và đa dạng sinh học. Do vậy, cần thiết có những chính sách cụ thể để hỗ trợ, khuyến khích sự tham gia tự quản lý rừng cho các cộng đồng, từ đó định hướng phát triển các doanh nghiệp lâm nghiệp cộng đồng để sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên rừng được giao, góp phần bảo tồn tính đa dạng sinh học của rừng cũng như truyền thống dân tộc của cộng đồng gắn với rừng.

## 2 Một số trường hợp tự quản của cộng đồng nhận rừng ở tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông

### 2.1 Bon Bu Nơr, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

Bu Nơr là bon được thí điểm giao rừng cho cộng đồng đầu tiên ở Tây Nguyên vào năm 1999. Năm 2000, cộng đồng buôn với hầu hết là người dân tộc M'Nông, được giao tổng diện tích

1.016 ha rừng tự nhiên cho các nhóm hộ quản lý. Với sự quản lý của UBND tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Tuy Đức, UBND xã Quảng Tâm và các ban ngành liên quan đến lâm nghiệp ở cấp xã, huyện tỉnh và những hỗ trợ từ bên ngoài, quản lý rừng cộng đồng đã có những kết quả đáng kể và năng lực tự quản của cộng đồng từng bước được cải thiện và nâng cao.

Từ 2000 – 2012: Cùng với sự tư vấn của trường Đại học Tây Nguyên, các dự án Lâm nghiệp xã hội (SFSP), dự án Hỗ trợ phổ cập đào tạo (ETFP) của Thụy Sĩ, dự án quản lý bảo vệ rừng bền vững của GIZ Đức; cộng đồng ở đây đã được đào tạo nâng cao năng lực trong quản lý rừng như xây dựng và thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng, lập và thực hiện kế hoạch quản lý rừng trong đó có khai thác gỗ thương mại, áp dụng các biện pháp lâm sinh trong khai thác chọn bền vững, nuôi dưỡng rừng, trồng rừng, tổ chức bảo vệ rừng (Bảo Huy và cộng sự, 2012).

Từ 2013 – nay: Mặc dù không thường xuyên như trước, nhưng nhóm tư vấn Lâm nghiệp của trường Đại học Tây Nguyên vẫn tiếp tục hỗ trợ, tư vấn khi cộng đồng có đề xuất; cùng với các chương trình, đề tài của trường với Mạng lưới giáo dục nông lâm kết hợp (NLKH) Đông Nam Á (SEANAFE) và mạng lưới giáo dục NLKH Việt Nam (VNAFE), ban quản lý rừng cộng đồng (BQLRCĐ) và đại diện nhiều hộ dân trong buôn tiếp tục được tham gia một số hội thảo, tập huấn và triển khai thực hiện dự án cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu; lập phương án giao thêm 853,7 ha rừng thuộc khu vực suối ĐắkLung theo nhu cầu và đề xuất của cộng đồng nhận rừng tiếp tục thực hiện phương thức quản lý rừng cộng đồng, được tổ chức bởi các hộ dân tộc M'Nông, thông qua ban quản lý rừng cộng đồng; với mục đích: Tiếp tục thực hiện mô hình quản lý rừng cộng đồng; cộng đồng tham gia bảo vệ tài nguyên rừng truyền thống, gìn giữ các giá trị văn hóa bản địa gắn với rừng; bảo vệ tài nguyên môi trường rừng; tạo ra sinh kế trực tiếp và gián tiếp từ rừng cho cộng đồng (Bảo Huy và cộng sự, 2013). Gần đây, trong chương trình hợp tác với tổ chức Rainforest Alliance (RA), GS.TS. Bảo Huy đã triển khai đánh giá để khởi xướng Doanh nghiệp lâm nghiệp cộng đồng (CFE). Doanh nghiệp hiện chưa hình thành, nhưng thực tế đã cho thấy cộng đồng đã đủ năng lực, điều kiện để có thể hình thành. Đây cũng là xu hướng tạo ra sinh kế bền vững cho cộng đồng bản địa mà tổ chức FAO đang thúc đẩy thực hiện, trong đó Nepal đã triển khai nghiên cứu loại hình này (Bảo Huy, 2018).

Liên quan đến cách thức tự quản của cộng đồng: Điều đáng nói là trong diện tích rừng cộng đồng đề nghị được giao thêm để quản lý (2013) là nơi ở của bon trước đây, nơi rừng thiêng và sử dụng rừng truyền thống chung lâu đời. Cộng đồng có mong đợi khi nhận rừng ở khu vực này để bảo vệ khu rừng truyền thống của Bon còn sót lại, gìn giữ rừng thiêng, giữ tài nguyên cho các thế hệ con cháu; sử dụng bền vững và chia sẻ lợi ích chung một cách công bằng trong cộng đồng người M'Nông của bon. Do vậy, trong thời gian đề nghị, chưa được giao chính thức, cộng đồng vẫn tự tổ chức phân công các hộ thay phiên tuần tra, bảo vệ rừng ở đây.

## 2.2 Xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

### 2.2.1 Buôn Tul

Buôn Tul hiện có 107 hộ với 502 khẩu, trong đó chiếm trên 90% là DTTS tại chỗ, chủ yếu là người M'Nông và một số ít hộ người Ê Đê. Cộng đồng được giao 303,3 ha rừng để quản lý từ năm 2001, có 74 hộ tham gia. Buôn đã được dự án Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (RDDL) do tổ chức GTZ, Đức tài trợ lựa chọn để nghiên cứu thử nghiệm phát triển quản lý rừng cộng đồng. Tiến trình tổ chức thực hiện bao gồm: Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý rừng cộng đồng 05 năm và hàng năm); Xây dựng và thực hiện Quy ước bảo vệ phát triển rừng cộng đồng; Khai thác rừng với mục đích thương mại và xây dựng cơ chế hưởng lợi từ việc khai thác rừng cộng đồng. Dự án được triển khai trong thời gian 5 năm, từ 2005 – 2009. Đến giữa năm 2009, mô hình thử nghiệm trên đã hoàn thành các bước của quy trình thử nghiệm và đạt được những thành quả quan trọng như: Cộng đồng các buôn đã tổ chức bảo vệ rừng tốt theo kế hoạch hàng năm; thử nghiệm khai thác rừng theo mô hình rừng ổn định cho mục đích gỗ thương mại được thực hiện buôn Tul vào cuối 2008 - 2009, đem lại thu nhập cho người dân; xây dựng và sử dụng quỹ phát triển rừng cộng đồng vào những việc hữu ích cho người dân trong buôn.

Kết quả đánh giá dự án vào tháng 8 năm 2009 đã cho thấy quản lý rừng giao cho cộng đồng có nhiều triển vọng (Bảo Huy và cộng sự, 2009).

Thời gian sau khi dự án kết thúc, ở buôn Tul hoạt động bảo vệ rừng vẫn được cộng đồng duy trì và tự phân công, tổ chức với sự hỗ trợ của Ban Lâm nghiệp xã (nay chỉ còn kiểm lâm địa bàn) và duy trì việc chi quỹ phát triển rừng theo quy định chung của cộng đồng. Như vậy, các hoạt động về phát triển kỹ thuật trên rừng và đất lâm nghiệp được giao, tiếp tục khai thác gỗ thương mại theo mô hình rừng ổn định theo kế hoạch 5 năm và lập kế hoạch cho các năm tiếp theo... gần như cộng đồng không thể thực hiện. Nguyên nhân: Các hướng dẫn về quản lý rừng cộng đồng và khai thác gỗ thương mại cho cộng đồng hưởng lợi từ thành quả của các dự án thành công chưa được thể chế hóa; cộng đồng gặp khó khăn trong các hoạt động làm giàu rừng, phát triển rừng do thiếu kỹ thuật; khó khăn về thủ tục. Năm 2014, trong nghiên cứu tham vấn liên quan đến vấn đề này, Y Thiếp, buôn trưởng có kể: *“Theo kế hoạch đã lập thì năm 2012 – 2013 buôn tiếp tục khai thác thêm rừng ở lô 2, nhưng vì buôn không được hướng dẫn cụ thể nên không biết làm đơn và cũng chưa biết trình cho ai”*. Sau khi dự án kết thúc, buôn không được tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn hoặc tư vấn, nhưng vì đã có quỹ cộng đồng từ khai thác gỗ thương mại đầu năm 2009, hoạt động làm giàu rừng bằng cây bản địa cũng được các nhóm hộ buôn Tul phân công thực hiện theo kế hoạch đã lập, tuy nhiên do tự làm, không có người hướng dẫn nên đa số cây trồng bị chết, từ đó hoạt động này cũng không còn được thực hiện. Thực tế đó đã minh chứng cho các nguyên nhân nêu trên.

Từ 2010 – nay: Ban quản lý rừng cộng đồng vẫn được duy trì, hoạt động bảo vệ rừng vẫn được cộng đồng tự tổ chức phân công với sự tham gia của 25 hộ dân. Từ 2013, cộng đồng buôn cũng đã bắt đầu nhận được chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên một số diện tích rừng cộng

đồng của buôn. Chi phí này cũng được BQLRCĐ điều phối và thống nhất chi phí cho các thành viên tổ bảo vệ, chi phí cho hoạt động tuần tra, bảo vệ, phần còn lại nhập vào quỹ để chi cho các việc chung của cả buôn như làm đường điện, sửa nhà cộng đồng, điện thắp sáng.... Đến năm 2018 tổ bảo vệ rừng tăng lên 30 hộ.

Với cách tự tổ chức như vậy, mặc dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tổ tuần tra rừng của buôn cũng bắt được nhiều vụ vi phạm, có báo với kiểm lâm địa bàn và xã nhờ giải quyết. Ngoài các vụ vi phạm trong khai thác tài nguyên rừng cộng đồng như chặt gỗ, săn bắt thú rừng, rừng cộng đồng buôn Tul có bị lấn chiếm ở diện tích rừng lồ ô giáp rẫy của một số hộ dân trong buôn (khoảng 10 ha). Nhìn chung phần lớn diện tích rừng của buôn vẫn được bảo vệ và hưởng lợi một phần từ DVMTR. Cộng đồng quan tâm tự tổ chức bảo vệ rừng còn do khu rừng được giao đáp ứng đúng nhu cầu của dân khi nhận là gần buôn, gắn với đời sống của người dân trong buôn từ lâu đời.

### 2.2.2 Buôn Hàng Năm

Đến 2018, buôn Hàng Năm có 163 hộ, với 731 khẩu, trong đó có 681 khẩu (93,2%) người DTTS tại chỗ, chủ yếu là người M'Nông. Năm 2006, ở buôn rừng được giao cho nhóm hộ, có 07 hộ trong buôn tự nguyện tham gia nhận và quản lý 303 ha rừng tự nhiên.

Buôn không có các chương trình, dự án hỗ trợ. Từ khi nhận rừng, nhóm hộ nhận rừng tự tổ chức, phân công thay phiên nhau giữa các hộ để tuần tra, bảo vệ rừng. Mỗi năm tổ bảo vệ tuần tra 2 lần để ngăn chặn những tác động, xâm lấn đất rừng.

Trong thời gian này, hầu hết các hộ trong buôn cũng có nhận khoán bảo vệ rừng (BVR) của VQG Chư Yang Sin và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Bông. Bắt đầu từ 2013, nhóm hộ còn được nhận chi trả DVMTR trên một phần diện tích rừng được giao.

Nguồn chi phí thực phẩm cho tổ bảo vệ lấy từ tiền khoán bảo vệ rừng, những năm gần đây được bổ sung từ tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

Tổng tiền nhận được từ DVMTR, được nhóm hộ chi cụ thể: Chi cho 07 hộ tham gia 1 triệu đồng/hộ/năm, năm 2018 dự kiến chi 2 triệu/hộ/năm. Chi phí cho tổ tuần tra bảo vệ: gạo, thực phẩm, dụng cụ đi rừng: 1,5 triệu/lần. Số tiền còn lại, nhóm hộ thống nhất với Ban tự quản buôn để chi phí các việc chung của buôn như làm đường trong buôn, sửa nhà cộng đồng, trả tiền điện thắp sáng,...

Đến nay, rừng được giao cho nhóm hộ quản lý mới dừng ở việc duy trì hoạt động bảo vệ rừng phần lớn diện tích ở trên cao, địa hình dốc vẫn còn. Phần rừng phía dưới giáp với rẫy của người dân có bị lấn chiếm khoảng 5 ha, nhưng hiện nay các hộ không tiếp tục canh tác, bỏ hóa để cây rừng tự tái sinh. Nhóm hộ gặp khó khăn trong việc ngăn chặn người các buôn trong xã và xã Cư Drăm vào rừng để lấy gỗ, măng, mây, bắt động vật rừng để bán. Người dân trong buôn cần làm nhà, chuồng trại,... tự vào rừng cộng đồng để chặt gỗ làm nhà; lấy măng để ăn, tre, le, mây,... để sử dụng trong gia đình.

Cũng giống ở buôn Tul, do khu rừng được giao cho nhóm hộ gần buôn, gắn với đời sống của người dân trong buôn từ lâu đời. Do đó, với sự tự nguyện tham gia nhận rừng, nên dù chỉ có 01 nhóm gồm 07 hộ, hầu hết là người M'Nông, sống ở địa phương gắn bó với rừng từ lâu đời, có hưởng lợi từ DVMTR mặc dù chưa nhiều, gặp nhiều khó khăn, thử thách trong quá trình bảo vệ rừng, nhưng nhóm hộ cũng đã tự tổ chức duy trì hoạt động bảo vệ rừng.. Nhận thức và năng lực quản lý của các hộ trong nhóm cũng ngày được nâng cao. Điều này được thể hiện qua việc đại diện của nhóm hộ sẵn sàng chia sẻ thông tin và trao đổi trong các hội thảo hoặc khi được tham vấn.

## **2.3 Xã Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk**

### **2.3.1 Buôn Chàm B**

Hiện nay, buôn Chàm B có 133 hộ với 575 khẩu người dân tộc M'Nông. Ở buôn, rừng tự nhiên được giao cho 10 nhóm hộ với diện tích 549,3 ha từ năm 2004. Trong đó có khoảng 200 ha rừng cây gỗ, 300 ha rừng le tre, lồ ô.

Buôn Chàm không nhận được sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án. Trước khi rừng giao cho các nhóm hộ ở buôn, người dân trong buôn nhận khoán BVR với Lâm trường Krông Bông với định mức 50.000 đồng/ha/năm. Sau khi nhận rừng, nguồn kinh phí khoán BVR không còn, các nhóm hộ vẫn tự túc tổ chức kiểm tra, bảo vệ rừng ( 2 – 3 tháng/ lần), phát hiện vi phạm như săn bắn, khai thác gỗ,... các nhóm thông báo và phối hợp với xã để ngăn chặn và xử lý. Tuy nhiên thời gian sau đó, người H'Mông di cư tự do (DCTD) đến địa phương tác động nhiều, thường vào ban đêm nên khó phát hiện và các nhóm hộ không thể ngăn chặn kịp thời.

Đến 2010, rừng bị phá nhiều các nhóm hộ không còn duy trì việc tuần tra, bảo vệ. Từ 2010 - 2012 người H'Mông lấn chiếm hầu hết rừng tre le, lồ ô để làm rẫy và trồng keo. Người dân trong buôn sau đó cũng lấn chiếm, trung bình 1 – 2 ha/hộ. Năm 2015, dân của các nhóm hộ trong buôn muốn lấy lại đất lấn chiếm để trồng rừng keo, có tổ chức gặp gỡ thương thảo với các hộ người H'Mông xâm canh nhưng không thực hiện được.

Đến nay, hầu hết rừng các nhóm hộ đã nhận không còn, chỉ còn lại một số diện tích nhỏ ở rừng đầu nguồn các suối trong buôn, người dân tự nhắc nhau bảo vệ theo tập quán.

### **2.3.2 Buôn Cư Drăm**

Hiện nay cả buôn có 83 hộ với 1026 khẩu, trong đó có 831 khẩu người dân tộc M'Nông (81%).

Ở buôn rừng được giao cho nhóm hộ năm 2004 với 176,5 ha rừng gần buôn, có 07 hộ tham gia. Khi nhận rừng, chỉ có trưởng, phó buôn và trưởng nhóm hộ được đề cử và kiểm lâm địa bàn tham gia xác định ranh giới, người dân trong buôn không được thông tin đầy đủ. Các hộ trong nhóm không xác định được diện tích cũng như ranh giới rừng được giao. Từ khi nhận rừng, nhóm hộ không tổ chức tuần tra, bảo vệ rừng, cũng như bất kỳ hoạt động nào.

Đến nay, hầu hết diện tích rừng giao cho nhóm hộ của buôn đã bị phá sạch, chỉ còn lại một ít diện tích ở đầu nguồn các suối, địa hình dốc cao. Nguyên nhân rừng ở buôn bị tác động và phá

cũng giống ở buôn Chàm B. Theo người dân, thì người H'Mông DCTD phá khoảng hơn 2/3 diện tích, 1/3 diện tích rừng còn lại do người dân trong buôn xâm chiếm. Đến nay trưởng buôn mới thay không rõ về diện tích và phạm vi rừng được giao, không nắm được danh sách các hộ tham gia nhận quản lý rừng. Trước đây, còn rừng người dân lấy gỗ làm nhà làm chuồng trại, lấy lâm sản ngoài gỗ măng le tre. Hiện nay, người dân trong buôn không còn đi lấy lâm sản nữa vì rừng ở buôn đã mất. Người dân cả buôn tự giác bảo vệ những diện tích rừng đầu nguồn ít ỏi còn lại vì sợ cạn kiệt nguồn nước.

## **2.4 Xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk**

### **2.4.1 Buôn Ta Ly**

Tại thời điểm 2014, buôn Ta Ly có 176 hộ, với 1.275 khẩu. Trong đó có 2 -3 hộ Thái, Kinh chủ yếu là bán quán và làm dịch vụ; còn lại chủ yếu là người J'Rai. Cộng đồng buôn nhận 1.120 ha rừng tự nhiên từ 2001. Giống trường hợp buôn Tul, buôn Ta Ly đã được dự án Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (RDDL) do tổ chức GTZ, Đức tài trợ lựa chọn để nghiên cứu thử nghiệm phát triển quản lý rừng cộng đồng. Buôn có thành lập BQL rừng cộng đồng, đã khai thác gỗ thương mại 2 lần với sự hỗ trợ của dự án GTZ. Thu nhập từ rừng chủ yếu từ 2 lần khai thác gỗ thương mại từ rừng cộng đồng năm 2006 và 2011, sau khi chia lợi ích cho các hộ còn giữ làm quỹ BVR cộng đồng và mua bò cho dân nuôi quay vòng để hưởng lợi từ số bò đẻ ra hàng năm. Đến nay số quỹ này còn 179 triệu trong tài khoản ngân hàng và 17 con bò vẫn tiếp tục được luân chuyển cho các hộ nghèo nuôi để có thu nhập.

Rừng của cộng đồng ở đây không nhận chi trả DVMTR. BQLRCD vẫn còn duy trì và tổ chức hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng. Tuy nhiên, do không tiếp tục được hỗ trợ, tư vấn nào khác sau khi dự án kết thúc (2009), nên hoạt động của BQLRCD cũng không còn chặt chẽ như trước đây. Kết quả tham vấn năm 2014 cũng cho thấy việc tổ chức lựa chọn lại hộ tham gia tổ bảo vệ rừng của buôn cũng thể hiện nhiều bất cập. Điều đó đã khiến một số hộ dân tham gia bảo vệ rừng tích cực trước đây cũng cảm thấy bất bình.

Đến nay, nhiều hộ trong buôn có phát rẫy, mở rộng diện tích xâm lấn vào diện tích rừng cộng đồng buôn và rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea H'Leo. Tình trạng sang nhượng đất canh tác, chủ yếu là đất rẫy có diễn ra ở một số hộ trong buôn

### **2.4.2 Buôn Chằm**

Năm 2014, buôn có 126 hộ với trên 1.000 khẩu người dân tộc J'Rai. Năm 2006 cộng đồng buôn có nhận 1.100 ha rừng tự nhiên. Buôn có thành lập BQL RCD gồm 06 người trong cuộc họp do xã tổ chức, dân trong buôn bầu chọn. Rừng cộng đồng hiện nay nhiều nơi bị tác động và xâm lấn. Buôn có liên kết với công ty Hoàng Việt trồng trên 700 ha rừng keo, hiện chưa có hưởng lợi. Nhiều hộ trong buôn có phát rẫy, mở rộng diện tích xâm lấn vào diện tích rừng cộng đồng buôn và rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea H'Leo.

Từ khi nhận rừng đến nay, ngoài sự quản lý của địa phương và kiểm lâm, buôn không được hỗ trợ, tư vấn từ các dự án. Do vậy BQLRCĐ cũng chỉ tập trung tổ chức bảo vệ rừng, nhưng cũng gặp rất nhiều khó khăn. Khi đời sống của đa phần hộ dân còn khó khăn, chưa được hưởng lợi từ rừng, thiếu những hỗ trợ kịp thời từ bên ngoài thì trách nhiệm đối với việc bảo vệ rừng và sự tự quản ở thôn buôn cũng có phần lỏng lẻo. Ở buôn Chăm, từ sau một số vụ người dân trong tổ bảo vệ rừng bị đánh và mâu thuẫn với người ngoài tác động vào rừng thì ban quản lý rừng cộng đồng ở đây cũng đành “bất lực” trong việc tổ chức tuần tra, bảo vệ. Thực tế những năm gần đây có nhiều người bên ngoài và cả dân cộng đồng cũng đã tác động vào rừng với nhiều hình thức như lấy gỗ, phát rẫy, sang nhượng đất đai, lấy trụ tiêu,...rừng đã bị giảm diện tích và chất lượng nhiều lần so với trước đây. Đối với người dân ở buôn, khu vực rừng nghĩa địa được người dân coi trọng, không tác động và tự giác nhắc nhở nhau cùng bảo vệ, trông nom; các trường hợp vi phạm đối với khu vực rừng này bị cả cộng đồng phạt vạ rất nặng.

## 2.5 Kết luận và khuyến nghị

### 2.6 Kết luận

Từ những trường hợp thực tế của các cộng đồng được giao rừng và

- So với giao rừng cho hộ, rừng giao cho cộng đồng mặc dù vẫn bị tác động, nhưng vẫn còn giữ được. Hoạt động bảo vệ rừng vẫn được các cộng đồng duy trì.
- Hầu hết các cộng đồng DTTS tại chỗ vẫn còn quan tâm đến những diện tích rừng đầu nguồn, rừng nghĩa địa, rừng thiêng là nơi ở, mồ mả cũ,...Đối với những diện tích rừng này, gần như cả cộng đồng đều tự giác và quan tâm bảo vệ. Điều này còn liên quan đến phong tục, tập quán của người DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên nói chung và các địa phương nói riêng. Tuy vậy, những diện tích này hiện không còn nhiều.
- Hiệu quả quản lý rừng phụ thuộc vào cách thức tổ chức và tự quản của cộng đồng
- Năng lực quản lý rừng của cộng đồng được nâng cao nhờ vào những hỗ trợ từ bên ngoài: Chương trình, dự án, tư vấn,...
- Vì đời sống của người dân ở các cộng đồng còn khó khăn, do vậy những nguồn hưởng lợi, kinh phí dù nhỏ cũng rất có ý nghĩa. Điều này giúp khuyến khích, thúc đẩy tính tự quản của cộng đồng, nhóm hộ và có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng

### 2.7 Kiến nghị

- Đối với những cộng đồng có năng lực tự quản cao như trường hợp buôn Bu Nơr, buôn Tul, Hàng Năm: Quản lý rừng cộng đồng nên hướng đến thúc đẩy các chương trình hướng đến hưởng dụng rừng bình đẳng gắn với sinh kế cộng đồng. Điều này vừa giúp phát triển đời sống, thu nhập, an ninh,... vừa góp phần bảo tồn tài nguyên rừng, nâng cao vị trí của cộng đồng trong quản lý rừng. Các chương trình cần được tham khảo kinh nghiệm ở các quốc gia để vận dụng trong điều kiện cụ thể ở các cộng đồng địa phương như: Doanh nghiệp lâm nghiệp cộng đồng

(CFE), doanh nghiệp quy mô nhỏ (SSE). Từ đó, các cơ chế, chính sách kèm theo sẽ được bổ sung để hỗ trợ cộng đồng hình thành và thực hiện.

- Đối với những cộng đồng năng lực tự quản chưa cao, nhưng vẫn còn rừng cộng đồng để quản lý (Buôn Ta Ly, cần thiết có sự tư vấn, hỗ trợ từ bên ngoài. Để có thể sử dụng, phát triển nguồn tài nguyên rừng thì trong quản lý bền vững đối với rừng cộng đồng, bên cạnh kỹ thuật, tiến trình đơn giản, phù hợp; cần thiết phải có “bộ phận chuyên trách” song hành cùng hỗ trợ và thúc đẩy người dân trong tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch một cách thường xuyên, liên tục. Thông qua đó, cũng dần từng bước nâng cao năng lực tự quản lý của cộng đồng, cho đến khi người dân có thể tự giác đề xuất những vấn đề, hoạt động trong quản lý rừng của chính họ.

- Đối với những cộng đồng năng lực tự quản yếu, rừng giao bị mất; cần thiết phải có những đánh giá cụ thể, thu hồi hồ sơ và giải quyết cụ thể, tránh tình trạng tranh chấp đất đai có thể xảy ra. Những diện tích rừng đầu nguồn, rừng nghĩa địa, rừng thiêng nên làm thủ tục giao lại cho cộng đồng quản lý và công nhận quyền sử dụng theo truyền thống của cộng đồng.

## Tài liệu tham khảo

### Tiếng Việt

Bảo Huy, Võ Hùng, Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Đức Định và cộng sự (2012), *Đánh giá Quản lý rừng cộng đồng ở Tây Nguyên giai đoạn 2000 – 2012. Từ thực tế ở buôn Bu Nơ, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông*. Tạp chí Rừng và Môi trường, Trung ương hội Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam, Hà Nội (trang 19 – 28).

Lê Văn Lâm, Cao Thị Lý, Phan Trọng Trí, Hà Huy Anh (2014), *Tham vấn cộng đồng và hộ gia đình về Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004 tại tỉnh Đắk Lắk*. Báo cáo nghiên cứu do OXFAM tài trợ, được thực hiện bởi FORLAND, CORENARM, Trung tâm phát triển nông thôn Miền Trung (CRD) và trường Đại học Tây Nguyên, Đắk Lắk.

Cao Thị Lý, Nguyễn Công Tài Anh, Đỗ Khánh Dâng, Phạm Đoàn Phú Quốc, Hồ Đình Bảo, Hoàng Trọng Khánh, Ngô Thế Sơn (2018). *Cơ sở dữ liệu khảo sát và tham vấn tại 08 thôn buôn thuộc 04 xã, huyện Krông Bông và Lắk, tỉnh Đắk Lắk*. Chương trình nghiên cứu do Tropenbos tài trợ, được thực hiện bởi trường Đại học Tây Nguyên, Đắk Lắk.

### Tiếng Anh

Bao Huy (2017) *Assessment for developing Bu Nor Community Forest Enterprise (CFE)*. Report, Collaboration between Consultancy Group for Forest Resource Environment Management, Tay Nguyen University and Rainforest Alliance.

Paudel N.S, Adhikary A., Mbairamadji J. and Nguyen, T.Q (2018). *Small-scale forest enterprise development in Nepal: overview, issues and challenges*. Rom, FAO. 84pp. Licence: CC BY-NC-SA 3.0 IGO